

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 02 – 2024

“V/v Xin ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà, thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Xuân Cường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2023 và ngày 23/02/2024 tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2023.

1/ *Nguyên đơn:* Bà **Thị Ngọc T**, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2/ *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1980, có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa của bà **Thị Ngọc T** trình bày:*

Bà T và ông M chung sống với nhau từ năm 2012, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, không tổ chức lễ cưới. Đến ngày 28/8/2014 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn, hai ông bà đi làm thuê và đến cuối năm 2022 về nhà cha mẹ chồng ở ấp K, xã Kiên B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang sinh sống. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông M không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập bà T, mâu thuẫn kéo dài đến cuối tháng 3/2023 do chịu đựng không nổi nên bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp Phước Thới, huyện Gò Quao sinh sống, kể từ đó hai người ly thân cho đến nay. Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/5/2014 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/6/2019, theo nguyện vọng của các cháu theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Về con riêng: Bà T có 01 người con riêng tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 12/6/2010, hiện cháu V đang ở cùng ông M, nay bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu nuôi cháu V và nếu bà T nuôi con chung thì không cần cấp dưỡng, còn ông M nuôi con chung thì bà T cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại phiên tòa ngày 30/11/2023 cả bà T và ông M đều trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp được thông tin họ tên, địa chỉ người cho vay nợ.

Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M với bà T tự tìm hiểu có chung sống với nhau từ năm 2013, sau đó hai người có đăng ký kết hôn và được UBND xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng 02 năm nay thì vợ ông M biểu hiện có người đàn ông bên ngoài, có lần ông M phát hiện vợ nói chuyện Zalo với người đàn ông khác, nhưng ông M cũng bỏ qua. Vợ ông M hay bỏ nhà đi nhiều lần, lần đầu là khoảng tháng 2/2023 sau đó 01 tháng thì vợ ông về và đi lần thứ 2 là vào ngày 30/4/2023 cho đến nay không về dù ông M lúc nào cũng mong bà T quay về với gia đình. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì ông M không đồng ý, do ông M còn thương vợ và muốn có người trông nom chăm sóc các con. Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/5/2014 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/6/2019, nếu ly hôn thì ông M yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu vợ cấp

dưỡng mỗi đứa 1.000.000đ/ tháng. Về con riêng: Bà T có 01 người con riêng tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 12/6/2010, hiện cháu V đang ở cùng ông M, nay bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vy thì ông M cũng đồng ý, nhưng ông muốn cháu V có nguyện vọng được ở với ai thì người đó nuôi. Tại phiên tòa, ông M yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại phiên tòa ngày 30/11/2023 cả bà T và ông M đều trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp được thông tin họ tên, địa chỉ người cho vay nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án.

Về nội dung đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội Đồng Xét Xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại: Ấp Kênh 9, xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được UBND xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/8/2014, nên hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp. Bà T trình bày từ cuối năm 2019 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do ông M không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập bà T và đến tháng 3 năm 2023 bà T bỏ về nhà cha, mẹ ruột ở ấp Phước Thới, huyện Gò Quao, Kiên Giang sinh sống, kể từ đó ly thân cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương thì được biết vợ chồng ông, bà không có mâu thuẫn gì lớn, ông M là người hiền lành, lo làm ăn, ai thuê gì ông M cũng làm, lo cho vợ con, thậm chí ông M còn chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vy là con riêng của chị T như con ruột. Ông M siêng năng, chịu khó nên thu nhập ổn định, mối quan hệ với xóm làng không có mâu thuẫn gì với ai. Qua nội dung xác minh trên thì ông M không giống như những gì mà bà T đã trình bày, từ đó cho thấy việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M là không có cơ sở để chấp nhận; bởi lẽ: Ông M là người không có lỗi trong cuộc sống gia đình vợ chồng, chính bà T mới là người không có ý định vun vén cho hạnh phúc gia đình vì bà là người chủ động bỏ nhà đi nhiều lần và hiện hai người đã sống ly thân trong khi ông M vẫn còn yêu thương vợ con nên không muốn ly hôn và tha thiết yêu cầu được đoàn tụ với bà T. Bản thân bà T không làm tròn trách nhiệm của người mẹ, dịp Tết nguyên đán 2024 cũng không

về thăm con, chăm sóc con, không làm tròn trách nhiệm của người mẹ. Xét thấy lý do mà bà T đưa ra để cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và xin ly hôn ông M là chưa có tính thuyết phục. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông M luôn tha thiết mong Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, để tạo điều kiện cho bà T, ông M có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông M.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T nên các vấn đề về con chung, tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Tại phiên tòa ngày 30/11/2023 các đương sự trình bày có nợ chị ruột của ông M nên đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án liên hệ không được người này và ra thông báo cho các đương sự cung cấp thông tin nhưng không ai cung cấp nên không thể xem xét trong cùng vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d, do bà Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn nên phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 9, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Thị Ngọc T về việc xin ly hôn ông Nguyễn Văn M.

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, và nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Áp dụng các điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Thị Ngọc T phải nộp 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0001729 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Bà Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh